UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 9451/UBND-KGVX V/v triển khai kế hoạch Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2016.	*Đắk Lắk, ngày 22 tháng 11 năm 2016*

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 5072/BGDĐT – KHTC ngày 12/10/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai kế hoạch Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2016;

Thực hiện Công văn số 14179/BTC – NSNN ngày 07/10/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu năm 2016 (lần 1);

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo bảng tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2016 và kế hoạch năm 2017 của tỉnh Đắk Lắk (theo phụ lục đính kèm). Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm giải quyết.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở GDĐT; Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT, TH, KGVX (N-15b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

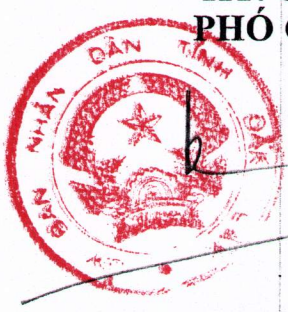

H'Yim Kđoh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

BÁO CÁO TỔNG HỢP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 9451/UBND-KGVX ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh)

Kinh phí sự nghiệp CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn

STT	Kinh phí/chỉ tiêu, nhiệm vụ chính	Đơn vị tính	Kế hoạch trường triển khai
a	b	1	3
I	**Kinh phí**		
1	**Kinh phí sự nghiệp Trung ương**	Tr.đồng	**502**
1.1	**Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**	Tr.đồng	**0**
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Tr.đồng	0
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	0
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr.đồng	0
1.2	**Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo**	Tr.đồng	**502**
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	502
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr.đồng	0
1.3	**Kinh phí giám sát đánh giá**	Tr.đồng	**0**
2	**Kinh phí địa phương đối ứng**	Tr.đồng	**168**
2.1	**Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**	Tr.đồng	**150**
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Tr.đồng	150
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	0
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr.đồng	0
2.2	**Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo**	Tr.đồng	**18**
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	18
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr.đồng	0
2.3	**Kinh phí giám sát đánh giá**	Tr.đồng	**0**
II	**Chỉ tiêu, nhiệm vụ chính**	Tr.đồng	
1	**Mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**	Tr.đồng	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

BÁO CÁO CHI TIẾT TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2016

(Kèm theo Công văn số 9451 /UBND-KGVX ngày 22 /11/2016 của UBND tỉnh)

Kinh phí sự nghiệp CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn

STT	Tên huyện, trường	Số học sinh chính sách	Hỗ trợ trang thiết bị tối thiểu, bàn ghế HS (Triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp HS (triệu đồng)	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ dùng khu nội trú học sinh (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà bếp (triệu đồng)	Hỗ trợ duy tu cải tạo, sửa chữakhu nội trú HS (triệu đồng)
	Tổng số kinh phí		**150**			**520**	
I	**Chia ra theo nguồn**		**150**	**0**	**0**	**520**	
	Kinh phí Trung ương					502	
	Kinh phí địa phương		150			18	
II	**Chia ra theo đơn vị được hưởng thụ**						
	Trường PTDTBT:	**564**	**150**	**0**	**0**	**520**	
	Trường PTDTBT Phan Bội Châu	198	50			520	
	Trường PTDTBT Bùi Thị Xuân	111	50				
	Trường PTDTBT Tô Hiệu	255	50				

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

KẾ HOẠCH NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số 9451 /UBND-KGVX ngày 22 /11/2016 của UBND tỉnh)

Kinh phí sự nghiệp CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
a	b	1	2	
I	**Kinh phí**		**22,125**	
1	**Kinh phí sự nghiệp Trung ương**	Tr.đồng	**17,800**	
1.1	**Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**	Tr.đồng	**10,750**	
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Tr.đồng	8,000	
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	1,100	3PTDTBT, 8 THPT*100tr
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr.đồng	1,650	3PTDTBT, 8 THPT*150tr
1.2	**Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo**	Tr.đồng	**6,550**	
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	3,800	
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr.đồng	2,750	3PTDTBT, 8 THPT*250tr
1.3	**Kinh phí giám sát đánh giá**	Tr.đồng	**500**	3PTDTBT, 8 THPT, Đi công tác, hội thảo…
2	**Kinh phí địa phương đối ứng**	Tr.đồng	**4,325**	
2.1	**Kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**	Tr.đồng	**2,688**	
	Kinh phí mua sắm bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh.	Tr.đồng	2,000	
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	275	
	Kinh phí mua sắm trang bị thiết bị và đồ dùng khu nội trú	Tr.đồng	413	
2.2	**Kinh phí duy tu sửa chữa cải tạo**	Tr.đồng	**1,638**	
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp	Tr.đồng	950.0	
	Kinh phí duy tu, sửa chữa, cải tạo khu nội trú	Tr.đồng	687.5	
2.3	**Kinh phí giám sát đánh giá**	Tr.đồng	**0**	
II	**Chỉ tiêu, nhiệm vụ chính**			
1	**Mua sắm trang thiết bị và đồ dùng**			
1.1	Số trường được trang thiết bị bổ sung thiết bị tối thiểu và bàn ghế học sinh			
	Trong đó : - Số trường PTDTBT	Số trường	3	
	- Số trường phổ thông công lập	Số trường	8	